

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

*Hà Nội, ngày 28 tháng 02 năm 2023*

**BÁO CÁO KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ**  
**NHIỆM VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ CẤP QUỐC GIA**

**I. Thông tin chung về nhiệm vụ:**

1. Tên nhiệm vụ, mã số: *Nghiên cứu đề xuất phương án định cư ổn định lâu dài và giải pháp sử dụng đất hợp lý tại các vùng có nguy cơ ảnh hưởng của thiên tai, biến đổi khí hậu tỉnh Hòa Bình.*

Mã số: ĐTĐL.CN-50/19

Thuộc Chương trình: Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp thiết tại địa phương.

2. Mục tiêu nhiệm vụ:

Xác định phương án định cư ổn định, lâu dài giúp nâng cao hiệu quả đầu tư của nhà nước; đề xuất các giải pháp sử dụng đất hợp lý phục vụ phát triển kinh tế xã hội, góp phần đảm bảo và ổn định đời sống cho người dân tại các vùng có nguy cơ ảnh hưởng của thiên tai (sạt lở đất và lũ quét), biến đổi khí hậu gây ra tại tỉnh Hòa Bình.

3. Chủ nhiệm nhiệm vụ: TS. Nguyễn Quang Dũng

4. Tổ chức chủ trì nhiệm vụ: Viện Quy hoạch và Thiết kế Nông nghiệp, Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn

5. Tổng kinh phí thực hiện: 5.073,505 triệu đồng.

Trong đó, kinh phí từ ngân sách SNKH: 4.650,00 triệu đồng.

Kinh phí từ nguồn khác: 423,505 triệu đồng.

6. Thời gian thực hiện theo Hợp đồng:

- Bắt đầu: Tháng 9 năm 2019

- Kết thúc: Tháng 2 năm 2022

- Thời gian thực hiện theo văn bản điều chỉnh của cơ quan có thẩm quyền: Tháng 2 năm 2023 theo Quyết định số 222/QĐ-BKHCN ngày 28 tháng 2 năm 2022 của Bộ Khoa học và Công nghệ về việc gia hạn thời gian thực hiện nhiệm vụ KH&CN cấp thiết tại địa phương.

7. Danh sách thành viên chính thực hiện nhiệm vụ nêu trên gồm:

Số TT	Họ và tên	Chức danh khoa học, học vị	Cơ quan công tác
1	Nguyễn Quang Dũng	Tiến sỹ	Viện Quy hoạch và TKNN, Bộ NN và PTNT
2	Vũ Xuân Thanh	Tiến sỹ	Học viện Hành chính Quốc gia, Bộ Nội vụ
3	Đặng Thị Thu Lan	Thạc sỹ	Viện Quy hoạch và TKNN, Bộ NN và PTNT
4	Lê Thái Bạt	PGS.TS	Hội Khoa học Đất Việt Nam, Liên hiệp các Hội khoa học
5	Nguyễn Văn Vượng	PGS.TS	Đại học KHTN, Đại học Quốc gia Hà Nội
6	Nguyễn Văn Thung	Tiến sỹ	Viện Quy hoạch và TKNN, Bộ NN và PTNT
7	Cao Phương Nhung	Thạc sỹ	Viện Quy hoạch và TKNN, Bộ NN và PTNT
8	Đỗ Minh Phương	Thạc sỹ	Viện Quy hoạch và TKNN, Bộ NN và PTNT
9	Nguyễn Hồng Trường	Thạc sỹ	Viện Quy hoạch và TKNN, Bộ NN và PTNT
10	Cao Việt Hà	PGS.TS	Học viện Nông nghiệp VN, Bộ NN và PTNT
11	Trần Thị Diệu Oanh	PGS.TS	Học viện Hành chính Quốc gia, Bộ Nội vụ
12	Thiều Thị Thu Hương	TS. KTS	Học viện Hành chính Quốc gia, Bộ Nội vụ
13	Nguyễn Quốc Hoàng	KTS	Viện Kiến trúc Quốc gia, Bộ Xây dựng
14	Lương Thị Thu Hoài	Tiến sỹ	Đại học KHTN, Đại học Quốc gia Hà Nội
15	Phạm Thế Tuyển	Thạc sỹ	Viện Quy hoạch và TKNN, Bộ NN và PTNT
16	Nguyễn Thị Thu Nam	Thạc sỹ	Viện Quy hoạch và TKNN, Bộ NN và PTNT
17	Trần Đình Thắng	Thạc sỹ	TTUD Thông tin KH, CN, Sở KH&CN tỉnh Hòa Bình
18	Trần Bảo Nam	Kỹ sư	Chi cục PTNT, Sở NN và PTNT tỉnh Hòa Bình

**II. Nội dung tự đánh giá về kết quả thực hiện nhiệm vụ:**

1. Về sản phẩm khoa học đã hoàn thành:

Số TT	Tên sản phẩm	Số lượng			Khối lượng			Chất lượng		
		Xuất sắc	Đạt	Không đạt	Xuất sắc	Đạt	Không đạt	Xuất sắc	Đạt	Không đạt
<b>I</b>	<b>Sản phẩm dạng I</b>									
1	Mô hình sinh kế									
1.1	Mô hình nuôi gà Ri tại xã Hòa Bình, TP Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình		x			x			x	

1.2	Mô hình trồng mít Thái tại thị trấn Bo, huyện Kim Bôi, tỉnh Hòa Bình		x				x			x
1.3	Mô hình nuôi dê tại xã Lạc Sỹ, huyện Yên Thủy, tỉnh Hòa Bình		x				x			x
2	Mô hình nhà ở tại Xóm Nghê xã Nánh Nghê, huyện Đà Bắc, tỉnh Hòa Bình		x				x			x
<b>II Sản phẩm dạng II</b>										
1	Báo cáo tổng hợp kết quả nghiên cứu		x				x			x
2	Báo cáo tóm tắt		x				x			x
3	Báo cáo chuyên đề									
3.1	Tổng quan về BĐKH, sạt lở đất, lũ quét và tác động của nó đến tài nguyên đất, kinh tế xã hội và sinh kế		x		x				x	
3.2	Tổng quan về công tác ổn định dân cư, sinh kế và các mô hình nhà ở cho cư dân vùng TĐC		x		x				x	
3.3	Thực trạng lũ quét, sạt lở đất tỉnh Hòa Bình		x		x				x	
3.4	Kết quả thực hiện tái định cư trên địa bàn tỉnh Hòa Bình		x		x				x	
3.5	Phân tích, dự báo, đánh giá ảnh hưởng của các hình thái khí hậu cực đoan nói riêng và biến đổi khí hậu nói chung đến mức độ biến động nguy cơ lũ quét, sạt lở đất		x		x				x	
3.6	Phân tích đánh giá tác động của lũ quét, sạt lở đất và ảnh hưởng của biến đổi khí hậu nói chung và các hình thái khí hậu cực đoan đến các khu vực dân cư và hạ tầng kinh tế xã hội		x		x				x	
3.7	Xác định các điểm dân cư có nguy cơ ảnh hưởng cao bởi lũ quét, sạt lở đất		x		x				x	

3.8	Nhu cầu tái định cư do nguy cơ ảnh hưởng của sạt lở đất, lũ quét tỉnh Hòa Bình		x		x			x		
3.9	Phân tích đánh giá và đề xuất các mô hình sinh kế		x		x			x		
3.10	Thực trạng các mô hình nhà ở và đề xuất mô hình nhà ở cho các điểm tái định cư ở Hòa Bình		x		x			x		
3.11	Hiện trạng nhà ở và xác định nhu cầu của các cộng đồng, hộ dân cần phải di dời TĐC tập trung		x		x			x		
3.12	Kết quả thực hiện các mô hình sinh kế tại các điểm tái định cư (Tổng hợp từ 03 báo cáo của 03 mô hình)		x		x			x		
-	<i>Khả năng dung nạp của các điểm tái định cư tập trung</i>		x		x			x		
-	<i>Khả năng đáp ứng về quỹ đất ở và quỹ đất sản xuất của các điểm tái định cư tập trung</i>		x		x			x		
-	<i>Khả năng đáp ứng về nguồn nước, hạ tầng, phong tục tập quán của các điểm tái định cư tập trung</i>		x		x			x		
3.13	Tình hình bố trí sử dụng đất và phát triển sản xuất của các điểm tái định cư tập trung		x		x			x		
3.14	Cân đối giữa khả năng dung nạp của các điểm tái định cư tập trung với nhu cầu của các cộng đồng		x		x			x		
3.15	Xác định các vùng tái định cư tập trung ứng phó với sạt lở đất, lũ quét và kế hoạch di dời, tái định cư cho các vùng nguy cơ cao		x		x			x		
3.16	Giải pháp giải quyết quỹ đất cho các điểm TĐC		x		x			x		
3.17	Giải pháp về sử dụng đất		x		x			x		

3.18	Giải pháp về tổ chức, phát triển sản xuất		x		x			x		
3.19	Giải pháp cơ chế chính sách cho tái định cư		x		x			x		
3.20	Giải pháp về xã hội cho tái định cư		x		x			x		
3.21	Các giải pháp khác cho tái định cư		x		x			x		
3	Bản đồ									
3.1	Bản đồ phân bố các công trình hạ tầng kinh tế xã hội tỉnh Hòa Bình tỷ lệ 1/50.000		x		x			x		
3.2	Bộ bản đồ cho 10 khu vực (Cấp xã) có điểm tái định cư tập trung tỷ lệ 1/10.000		x		x			x		
-	<i>Bản đồ HTSDĐ tỷ lệ 1/10.000</i>		x		x			x		
-	<i>Bản đồ chất lượng đất tỷ lệ 1/10.000</i>		x		x			x		
-	<i>Bản đồ phân hạng thích hợp đất đai tỷ lệ 1/10.000</i>		x		x			x		
-	<i>Bản đồ hạ tầng kinh tế - xã hội tỷ lệ 1/10.000</i>		x		x			x		
3.3	Bản đồ các điểm tái định cư tập trung toàn tỉnh tỷ lệ 1/50.000		x		x			x		
3.4	Bản đồ phân bố dân cư tỉnh Hòa Bình tỷ lệ 1: 50.000		x		x			x		
3.5	Bản đồ phân bố và dự báo các khu vực có nguy cơ xảy ra lũ quét tỉnh Hòa Bình tỷ lệ 1: 50.000		x		x			x		
3.6	Bản đồ phân bố và dự báo các khu vực có nguy cơ xảy trượt sạt lở đất tỉnh Hòa Bình tỷ lệ 1: 50.000		x		x			x		
3.7	Bản đồ phân bố và dự báo các khu vực có nguy cơ tai biến tổng hợp tỉnh Hòa Bình tỷ lệ 1: 50.000		x		x			x		

3.8	Bản đồ dự báo các khu vực dân cư có nguy cơ tai biến tổng hợp cao tỉnh Hòa Bình tỷ lệ 1:50.000		x		x			x		
3.9	Bản đồ các điểm dân cư có nguy cơ cao với lũ quét và sạt lở đất tỉnh Hòa Bình tỷ lệ 1/10.000		x		x			x		
3.10	Bản đồ tổng hợp các điểm dân cư có nguy cơ cao với lũ quét và sạt lở đất tỉnh Hòa Bình tỷ lệ 1/50.000		x		x			x		
4	06 bản vẽ mô hình nhà ở (01 mô hình được thực hiện tại xóm Nánh, xã Nánh Nghê, huyện Đà Bắc)		x		x			x		
5	<b>Cơ sở dữ liệu về tình hình sạt lở đất, lũ quét và các điểm tái định cư tập trung</b>		x		x			x		
<b>III</b>	<b>Sản phẩm dạng III</b>									
1	03 Bài báo phản ánh kết quả nghiên cứu chính của đề tài		x		x			x		
2	Đào tạo 02 thạc sỹ		x		x			x		

### 1.2. Danh mục sản phẩm khoa học dự kiến ứng dụng, chuyển giao (nếu có):

<b>T</b>	<b>Tên sản phẩm</b>	<b>Thời gian dự kiến ứng dụng</b>	<b>Cơ quan dự kiến ứng dụng</b>	<b>Ghi chú</b>
1	Các mô hình sinh kế, mô hình nhà ở	2023	Các hộ gia đình thuộc khu vực phải tái định cư do thiên tai (sạt lở đất, lũ quét)	
2	Các giải pháp để ổn định dân cư lâu dài, sử dụng đất hợp lý ứng phó với thiên tai.	2023	Chính quyền địa phương các cấp tỉnh Hòa Bình; Các hộ gia đình thuộc khu vực phải tái định cư do thiên tai (sạt lở đất, lũ quét)	

### 2. Về những đóng góp mới của nhiệm vụ:

- Xác định được các điểm dân cư có nguy cơ cao với lũ quét và sạt lở đất của tỉnh Hòa Bình (bao gồm quy mô số dân, số hộ, dân tộc).

- Xác định được khả năng dung nạp của các điểm tái định cư tập trung các vùng tái định cư tập trung ứng phó với các tai biến thiên tai (sạt lở đất và lũ quét), cụ thể là:

+ Đánh giá khả năng đáp ứng về quỹ đất ở và quỹ đất sản xuất

+ Đánh giá khả năng đáp ứng về nguồn nước, hạ tầng, phong tục tập quán của nơi tiếp nhận tái định cư.

+ Phương án quy hoạch, bố trí đất ở; Phương án quy hoạch, bố trí sử dụng đất; phương án phát triển sản xuất phù hợp với tập quán canh tác, gắn với việc khai thác có hiệu quả hệ thống cơ sở hạ tầng phục vụ sản xuất và đời sống.

+ Cân đối giữa khả năng dung nạp của các điểm TĐC tập trung với nhu cầu của các cộng đồng, hộ dân có nguy cơ cao, cần ưu tiên di chuyển, TĐC tập trung ngay.

+ Lập kế hoạch di dời, tái định cư cho các vùng nguy cơ cao bị ảnh hưởng của thiên tai lũ quét, sạt lở; Viết báo cáo xác định các vùng tái định cư tập trung ứng phó với sạt lở đất, lũ quét.

- Xây dựng được các giải pháp để ổn định dân cư lâu dài, sử dụng đất hợp lý ứng phó với thiên tai.

- Xây dựng mô hình nhà ở và sinh kế cho người dân vùng tái định cư và những vùng có nguy cơ khác.

### 3. Về hiệu quả của nhiệm vụ:

#### 3.1. Hiệu quả kinh tế

Cung cấp cơ sở thực tiễn cho việc xây dựng phương án bố trí ổn định dân cư cho những khu vực có nguy cơ cao xảy ra thiên tai (sạt lở đất, lũ quét) một cách hợp lý, hiệu quả.

#### 3.2. Hiệu quả xã hội

Các giải pháp bố trí ổn định dân cư góp phần ổn định và từng bước nâng cao đời sống của người dân làm cho người dân tin tưởng và yên tâm hơn đối với chương trình ổn định dân cư nói chung, ổn định dân cư ở những khu vực có nguy cơ cao xảy ra thiên tai (sạt lở đất, lũ quét) một cách hợp lý, hiệu quả.

### III. Tự đánh giá, xếp loại kết quả thực hiện nhiệm vụ

#### 1. Về tiến độ thực hiện: (đánh dấu ✓ vào ô tương ứng):

- Nộp hồ sơ đúng hạn

- Nộp chậm từ trên 30 ngày đến 06 tháng

- Nộp hồ sơ chậm trên 06 tháng

#### 2. Về kết quả thực hiện nhiệm vụ:

- Xuất sắc

- Đạt

- Không đạt

Giải thích lý do: Đề tài nghiêm túc thực hiện theo đúng tiến độ, đúng các nội dung nghiên cứu trong thuyết minh đã được phê duyệt, hợp đồng đã được ký kết và đạt được sản phẩm đáp ứng yêu cầu của Đề tài.

Đề tài đã sử dụng kinh phí đúng mục đích, không vi phạm các nguyên tắc quản lý theo quy định.

Cam đoan nội dung của Báo cáo là trung thực; Chủ nhiệm và các thành viên tham gia thực hiện nhiệm vụ không sử dụng kết quả nghiên cứu của người khác trái với quy định của pháp luật.

**CHỦ NHIỆM NHIỆM VỤ**  
(Học hàm, học vị, Họ, tên và chữ ký)

  
TS. Nguyễn Quang Dũng

**THỦ TRƯỞNG**  
**TỔ CHỨC CHỦ TRÌ NHIỆM VỤ**  
(Họ, tên, chữ ký và đóng dấu)

**PHÓ VIỆN TRƯỞNG**  
  
Ngô Huy Kiên